

# THỰC TRẠNG TRÌNH ĐỘ THỂ LỰC CỦA HỌC SINH LỚP 6 (11 TUỔI) TỈNH BẮC NINH

Lê Thị Thanh Thủy\*

## Tóm tắt:

Sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học thường quy đánh giá thực trạng trình độ thể lực của học sinh lớp 6 (11 tuổi) trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, đồng thời so sánh trình độ thể lực của học sinh thuộc khối các trường chuyên, khối các trường thuộc khu vực thành thị và khối các trường thuộc khu vực nông thôn, làm cơ sở tác động các giải pháp phát triển thể lực cho học sinh THCS tỉnh Bắc Ninh.

**Từ khóa:** Thực trạng, thể lực, lớp 6, 11 tuổi, học sinh THCS, tỉnh Bắc Ninh...

## The reality of 6-graded students (11 years old) in Bac Ninh

## Summary:

Using scientific research methods, the reality of 6-graded students (11 years old) in Bac Ninh is assessed, at the same time comparing the strength of students in gifted school, urban school and rural school to propose solutions for developing middle school students' strength in Bac Ninh

**Keywords:** Reality, strength, 6 graded, 11 years old, middle school students, Bac Ninh

## ĐẶT VẤN ĐỀ

Giáo dục thể chất (GDTC) trong trường học các cấp hiện đang được coi là bộ phận cơ bản và quan trọng của nền TDTT nước ta. Tuy nhiên, qua quan sát thực tế và phỏng vấn trực tiếp các cán bộ quản lý, giáo viên tại các trường THCS tỉnh Bắc Ninh cho thấy: Công tác GDTC lại phát triển chưa xứng với tiềm năng sẵn có trên địa bàn tỉnh.

Để có cơ sở tác động tác giải pháp nâng cao hiệu quả GDTC nói chung và phát triển thể lực cho học sinh khối 6 (11 tuổi) tại các trường THCS tỉnh Bắc Ninh, đánh giá đúng thực trạng phát triển thể lực của học sinh là vấn đề quan trọng. Vấn đề này cũng được ngành TDTT nói chung và nhiều nhà khoa học quan tâm nghiên cứu như: Dương Nghiệp Chí, Nguyễn Danh Thái và cộng sự (2001), Hoàng Công Dân (2005), Bùi Quang Hải (2008), Đỗ Đình Quang (2013), Trần Đức Dũng và cộng sự (2014), Đồng Hương Lan (2016)... tuy nhiên, chưa có tác giả nào đánh giá thực trạng phát triển thể lực của học sinh THCS trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh,

một địa phương có những điều kiện rất đặc thù về kinh tế, chính trị, hành chính...

Để có căn cứ tác động các giải pháp phát triển thể lực cho học sinh lớp 6 (11 tuổi) thuộc các trường THCS trên địa bàn tỉnh thì việc đánh giá thực trạng trình độ thể lực cho học sinh là vấn đề cần thiết và cấp thiết.

Phương pháp tiếp cận: Sử dụng phương pháp tiếp cận hệ thống và phương pháp tiếp cận thực tiễn.

## PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Trong quá trình nghiên cứu sử dụng các phương pháp sau: Phương pháp tham khảo tài liệu, Phương pháp phỏng vấn, phương pháp kiểm tra sự phạm, phương pháp toán học thống kê.

Đối tượng khảo sát: 12 trường THCS trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, trong đó có:

02 trường THCS chuyên: Trường Trung học cơ sở Nguyễn Đăng Đạo, TP Bắc Ninh và Trường Trung học cơ sở Từ Sơn, Thị xã Từ Sơn.

04 trường THCS khối thành thị: Trường Trung học cơ sở Ninh Xá, TP Bắc Ninh; Trường Trung học cơ sở Đại Phúc, TP Bắc Ninh; Trường Trung

\*ThS, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh Email: lethuybmbn@gmail.com

học cơ sở Châu Khê, Thị xã Từ Sơn và Trường Trung học cơ sở Đình Bảng, Thị xã Từ Sơn.

06 trường THCS khu vực nông thôn gồm: Trường Trung học cơ sở Vũ Kiệt, Huyện Thuận Thành; Trường Trung học cơ sở Phương Liễu, Huyện Quế Võ; Trường Trung học cơ sở Thị Trấn Thứa, Huyện Lương Tài; Trường Trung học cơ sở Hoàn Sơn, Huyện Tiên Du; Trường THCS Đại Bái, huyện Gia Bình và Trường THCS thị trấn Chờ, Yên Phong.

Đối tượng khảo sát: Gồm 600 học sinh lớp 6, thuộc 12 trường THCS khảo sát, trong đó có 300 học sinh nam và 300 học sinh nữ. Lấy ngẫu nhiên mỗi trường 25 học sinh nữ và 25 học sinh nam khối 6.

Thời điểm khảo sát: Kết thúc học kỳ I năm học 2015-2016

**KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN**

**1. Thực trạng trình độ thể lực của học sinh lớp 6 (11 tuổi) thuộc các trường THCS tỉnh Bắc Ninh**

Tiến hành đánh giá thực trạng trình độ thể lực của 600 học sinh lớp 6 (11 tuổi) trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh (trong đó có 300 học sinh nam và 300 học sinh nữ) thông qua 6 test sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (ban hành kèm theo quyết định số 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo). Kết quả được trình bày tại bảng 1.

Qua bảng 1 cho thấy: Trình độ thể lực của

**Bảng 1. Thực trạng trình độ thể lực của học sinh lớp 6 (11 tuổi) trên địa bàn Tỉnh Bắc Ninh (n=600)**

TT	Test	Nam (n=300)		Cv	nữ (n=300)		Cv
		$\bar{x}$	$\delta$		$\bar{x}$	$\delta$	
1	Lực bóp tay thuận (kG)	19.46	2.64	13.56	18.37	2.49	13.58
2	Nằm ngửa gập bụng (lần/30s)	13.45	1.89	14.05	10.45	1.78	17.04
3	Bật xa tại chỗ (cm)	162	13.7	8.46	148.78	11.58	7.78
4	Chạy 30m XPC (s)	6.25	0.33	5.24	7.05	0.35	4.97
5	Chạy con thoi 4x100m (s)	12.96	0.69	5.36	13.21	0.62	4.66
6	Chạy tùy sức 5 phút (m)	871.87	48.81	5.6	760.69	64.78	8.52

học sinh lớp 6 (11 tuổi) thuộc các trường THCS tỉnh Bắc Ninh ở tất cả các tiêu chí thu được đều cao hơn mức trung bình theo tiêu chuẩn đánh giá, xếp loại trình độ thể lực theo Quyết định 53/2008/QĐ-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đồng thời kết quả này cũng cao hơn nhiều so với kết quả điều tra thể chất nhân dân năm 2001, nhìn hơn một chút so với kết quả kiểm tra trình độ thể lực của học sinh THCS miền Bắc Việt Nam theo kết quả nghiên cứu của tác giả Trần Đức Dũng và cộng sự năm (2014) [2], [4].

Để thấy rõ hơn trình độ thể lực của học sinh khối 6 thuộc các trường THCS tỉnh Bắc Ninh, chúng tôi tiến hành phân loại trình độ thể lực của học sinh theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Quá trình phân loại sử dụng các tiêu chí: Nằm ngửa gập bụng (lần/30s), Bật xa tại chỗ (cm), Chạy con thoi 1x400m (s) và chạy tùy sức 5 phút (m), đồng thời so sánh sự khác biệt tỷ lệ sinh viên đạt tiêu chuẩn rèn luyện thể lực của nam và nữ. Kết quả phân loại được trình bày tại bảng 2.

**Bảng 2. Kết quả phân loại trình độ thể lực của học sinh lớp 6 (11 tuổi) tại các trường THCS Tỉnh Bắc Ninh (n=600)**

Phân loại	Tổng số (n=600)		Nam (n=300)		Nữ (n=300)	
	$m_i$	%	$m_i$	%	$m_i$	%
Tốt	125	20.83	68	22.67	57	19.00
Đạt	367	61.17	181	60.33	186	62.00
Không đạt	108	18.00	51	17.00	57	19.00
So sánh	$\chi^2$		1.369			
	P		>0.05			

Qua bảng 2 cho thấy: Khi phân loại trình độ thể lực của học sinh theo tiêu chuẩn đánh giá trình độ thể lực của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đa số học sinh có trình độ thể lực mức đạt (trên 60%); tỷ lệ học sinh có trình độ thể lực đạt tốt chỉ xấp xỉ 20%. Tuy nhiên, vẫn còn tới 17% số học sinh nam và 19% số học sinh nữ trong diện khảo sát có trình độ thể lực ở mức không đạt. Chính vì vậy, phát triển thể lực cho học sinh là vấn đề cần thiết.

**2. So sánh sự khác biệt trình độ thể lực của học sinh các nhóm trường tại tỉnh Bắc Ninh**

Song song với việc đánh giá thực trạng chung trình độ thể lực của học sinh các trường THCS tỉnh Bắc Ninh, chúng tôi tiến hành so sánh trình độ thể lực của học sinh theo từng nhóm trường: Nhóm trường chuyên (02 trường), Nhóm trường khu vực thành phố (04 trường) và Nhóm trường khu vực nông thôn (06 trường). Chi tiết các trường thuộc từng nhóm được trình bày tại phần phương pháp tiếp cận của bài viết. Kết quả so sánh được trình bày tại bảng 3.

Qua bảng 3 cho thấy: Khi so sánh trình độ thể lực của học sinh khối trường chuyên, khối

**Bảng 3. So sánh trình độ thể lực của học sinh lớp 6 (11 tuổi) theo các nhóm trường trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh (n=600)**

TT	Test	Khối trường chuyên		Cv	Khối trường khu vực thành thị		Cv	Khối trường khu vực nông thôn		Cv	t <sub>1-2</sub>	t <sub>2-3</sub>	t <sub>1-3</sub>
		xtb	δ		xtb	δ		xtb	δ				
Học sinh nam		n=50			n=100			n=150					
1	Lực bóp tay thuận (kG)	18.99	2.36	12.44	19.88	3	15.1	19.33	12.61	871.87	6.49*	0.4	0.25
2	Nằm ngửa gập bụng (lần/30s)	12.96	1.73	13.32	13.34	1.84	13.82	13.69	14.22	48.81	5.55*	0.23	0.46
3	Bật xa tại chỗ (cm)	160.34	11.9	7.42	163.44	13.37	8.18	161.59	8.94	5.6	1.53	0.99	0.56
4	Chạy 30m XPC (s)	6.21	0.27	4.42	6.2	0.32	5.13	6.29	5.49	5.24	0.6	0.39	0.36
5	Chạy con thoi 4x100m (s)	12.95	0.65	5.05	12.86	0.7	5.42	13.03	5.39	5.36	4.80*	0.65	0.3
6	Chạy tùy sức 5 phút (m)	844.12	59.33	7.03	870.47	46.21	5.31	882.05	4.86	5.6	1.17	2.42*	4.44*
Học sinh nữ		n=50			n=100			n=150					
1	Lực bóp tay thuận (kG)	17.91	1.73	9.68	18.28	2.86	15.67	18.59	2.43	13.09	3.19*	0.95	2.39*
2	Nằm ngửa gập bụng (lần/30s)	10.3	1.52	14.71	10.36	1.83	17.65	10.56	1.83	17.36	0.94	0.97	1.1
3	Bật xa tại chỗ (cm)	146.06	10.58	7.25	147.63	11.3	7.65	150.45	11.89	7.9	1.05	1.36	1.8
4	Chạy 30m XPC (s)	7.09	0.27	3.82	7.07	0.37	5.26	7.03	0.36	5.11	2.72*	1.22	1.65
5	Chạy con thoi 4x100m (s)	13.22	0.59	4.44	13.18	0.63	4.75	13.22	0.62	4.7	2.51*	0.62	0.02
6	Chạy tùy sức 5 phút (m)	722.2	86.04	11.91	756.03	42.12	5.57	776.63	63.56	8.18	1.74	0.66	1.39

Ghi chú: \* tương đương P<0.05

trường khu vực thành thị và khối trường khu vực nông thôn, xu hướng chung là kết quả kiểm tra thể lực của học sinh khối trường chuyên có thấp hơn so với khối trường khu vực thành thị và khối trường khu vực nông thôn, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở các kết quả kiểm tra test đánh giá sức mạnh tay, sức mạnh bền lưng bụng và khả năng phối hợp vận động ở nam và sức mạnh tay, sức nhanh, khả năng phối hợp vận động ở nữ. Sự khác biệt có ý nghĩa thống kê (P<0.05). Ở các tiêu chí còn lại, mặc dù có sự

chênh lệch về kết quả kiểm tra nhưng sự khác biệt chưa có ý nghĩa thống kê khi so sánh bằng tham số t ở ngưỡng P = 0.05.

Để thấy rõ hơn sự khác biệt về trình độ thể lực của học sinh thuộc các khối trường trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, chúng tôi tiến hành so sánh tỷ lệ học sinh đạt tiêu chuẩn thể lực của từng nhóm trường theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đồng thời so sánh sự khác biệt kết quả phân loại trình độ thể lực của học sinh các khối trường. Kết quả chi tiết được trình bày tại bảng 4.

**Bảng 4. Kết quả so sánh phân loại trình độ thể lực của học sinh lớp 6 (11 tuổi) thuộc các khối trường THCS Tỉnh Bắc Ninh (n=600)**

Phân loại	Khối trường chuyên		Khối trường KV thành thị		Khối trường KV nông thôn		So sánh		
	m <sub>i</sub>	%	m <sub>i</sub>	%	m <sub>i</sub>	%			
<b>Nam</b>	n=50		n=100		n=150		$\chi^2_{1-2}$	$\chi^2_{2-3}$	$\chi^2_{1-3}$
Tốt	13	26.00	25	25.00	30	20.00	0.274	1.069	1.590
Đạt	27	54.00	58	58.00	96	64.00			
Không đạt	10	20.00	17	17.00	24	16.00			
<b>Nữ</b>	n=50		n=100		n=150		$\chi^2_{1-2}$	$\chi^2_{2-3}$	$\chi^2_{1-3}$
Tốt	11	22.00	26	26.00	20	13.33	0.906	6.467*	2.557
Đạt	28	56.00	58	58.00	100	66.67			
Không đạt	11	22.00	16	16.00	30	20.00			

Qua bảng 4 cho thấy: Khi phân loại trình độ thể lực của học sinh lớp 6 theo các khối trường, ngoại trừ học sinh khối trường khu vực thành thị và khối trường khu vực nông thôn ở đối tượng học sinh nữ có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở ngưỡng  $P < 0.05$  khi so sánh bằng  $\chi^2$ , ở các nhóm đối tượng còn lại, mặc dù tỷ lệ học sinh không đạt tiêu chuẩn của khối trường thành thị có cao hơn hai khối còn lại, nhưng sự khác biệt chưa có ý nghĩa thống kê ở ngưỡng  $P > 0.05$ . Như vậy, ngoại trừ đối tượng học sinh nữ khối thành thị và khối nông thôn, trình độ thể lực của học sinh các khối còn lại không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở ngưỡng  $P > 0.05$  khi so sánh phân loại theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**KẾT LUẬN**

1. Trình độ thể lực của học sinh lớp 6 (11 tuổi) thuộc các trường THCS tỉnh Bắc Ninh ở tất cả các tiêu chí thu được đều cao hơn mức trung bình khi so sánh với người Việt Nam cùng lứa tuổi và giới tính. Tuy nhiên, khi phân loại trình độ thể lực của học sinh theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tỷ lệ học sinh chưa đạt tiêu chuẩn còn cao ở cả nam và nữ.

2. Khi so sánh trình độ thể lực của học sinh khối trường chuyên, khối trường khu vực thành thị và khối trường khu vực nông thôn cho thấy trình độ thể lực của học sinh khối trường chuyên có xu hướng thấp hơn so với 2 khối trường còn lại, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở các chỉ

tiêu đánh giá sức mạnh tay, sức mạnh bền lưng bụng và khả năng phối hợp vận động ở nam và sức mạnh tay, sức nhanh, khả năng phối hợp vận động ở nữ. Khi so sánh theo tiêu chuẩn đánh giá trình độ thể lực của Bộ Giáo dục và Đào tạo, sự khác biệt mới chỉ có ý nghĩa thống kê ở học sinh nữ khối thành thị và khối nông thôn.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Quyết định số: 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 về việc ban hành quy định về việc đánh giá, xếp loại thể lực học sinh, sinh viên.*
2. Dương Nghiệp Chí, Nguyễn Danh Thái và cộng sự (2003), *Thực trạng thể chất người Việt Nam từ 6 tới 20 tuổi (thời điểm 2001)*, Nxb TDTT, Hà Nội.
3. Hoàng Công Dân (2005), “Nghiên cứu phát triển thể chất cho học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú khu vực miền núi phía Bắc từ 15-17 tuổi”, *Luận án tiến sĩ khoa học giáo dục, Viện Khoa học TDTT, Hà Nội.*
4. Trần Đức Dũng và cộng sự (2014), “Nghiên cứu sự phát triển thể chất của học sinh phổ thông từ lớp 1 tới lớp 12 (thời điểm 2002-2014)”, *Đề tài NCKH cấp Bộ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.*

(Bài nộp ngày 9/10/2018, Phản biện ngày 16/10/2018, duyệt in ngày 25/10/2018)